

Đơn vị: Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi

Chương: 422

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH
Năm 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách năm 2025 như sau:

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	73.810	74.844	101%	
a	Lệ phí			0	0
b	Học phí + Thu Khác	73.810	74.844	101%	-
1	Trường THPT Bình Sơn				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.449	1.567,07	108%	
2	Trường THCS-THPT Vạn Tường				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	873	1.210,71	139%	
3	Trường THPT Trần Kỳ Phong				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	826	1.186,12	144%	
4	Trường THPT Lê Quý Đôn				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.597	1.393,37	87%	
5	Trường THPT Võ Nguyên Giáp				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	2.191	2.201,73	100%	
6	Trường THPT Ba Gia				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.283	1.259,52	98%	
7	Trường THPT Sơn Mỹ				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	782	1.072,37	137%	
8	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.406	2.350,49	167%	
9	Trường THPT Trần Quốc Tuấn				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	2.012	1.146,75	57%	
10	Trường THPT Chuyên Lê Khiết				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.271	1.577,44	124%	
11	Trường THPT Lê Trung Đình				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.643	2.026,73	123%	
12	Trường THPT số 1 Nghĩa Hành				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	Page 1 1.104	1.189,98	108%	

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
13	Trường THPT số 2 Nghĩa Hành				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	356	504,17	142%	
14	Trường THPT Nguyễn Công Phương				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	686	737,61	108%	
15	Trường THPT số 1 Tư Nghĩa				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.507	1.625,15	108%	
16	Trường THPT số 2 Tư Nghĩa				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	668	935,54	140%	
17	Trường THPT Thu Xà				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	882	1.006,07	114%	
18	Trường THPT Chu Văn An				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.444	1.084,59	75%	
19	Trường THPT Phạm Văn Đồng				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.071	1.146,38	107%	
20	Trường THPT Số 2 Mộ Đức				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	631	899,87	143%	
21	Trường THPT Trần Quang Diệu				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	777	862,65	111%	
22	Trường THPT Nguyễn Công Trứ				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	463	635,32	137%	
23	Trường THPT số 1 Đức Phổ				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.198	1.370,19	114%	
24	Trường THPT số 2 Đức Phổ				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	713	907,56	127%	
25	Trường THPT Lương Thế Vinh				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	872	1.065,32	122%	
26	Trường THPT Lý Sơn				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	163	367,75	226%	
27	Trường THPT Ba Tơ				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	276	646,41	234%	
28	Trường THPT Sơn Hà				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	224	610,84	273%	
29	Trường THPT Trà Bồng				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	359	238,51	66%	
30	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	79	320,59	406%	
31	Trường THPT Minh Long				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	127	297,38	234%	
32	Trường THPT Tây Trà				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	137	293,80	214%	
33	Trường THPT Phạm Kiệt				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	129	371,86	288%	
34	Trường THPT Quang Trung				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	235	653,22	278%	
35	Trường THCS- THPT Phạm Kiệt				

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	241	494,18	205%	
36	Trung tâm GDTX Tỉnh				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	7.943	7.770,66	98%	
37	Trường THCS- THPT Phó Mục Gia				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	399	536,53	134%	
38	Trường PTDTNT-THPT tỉnh				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-		
39	Trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN tỉnh				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-		
40	Trung tâm GDNN - GDTX khu vực Bình Sơn				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	290	572		
41	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực Mộ Đức				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	216	621,00		
42	Trung tâm GGNN-GDTX Khu vực Đức Phổ				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	580	1.353,76		
43	Trung tâm GDNN-GDTX Khu vực Ba Tơ				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	131,45		
44	Trường Trung học phổ thông Kon Tum				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	3.680	2.363,45		
45	Trường phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Kon Tum				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	130	136,00		
46	Trường Trung học phổ thông Duy Tân				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	2.510	1.423,17		
47	Trường phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Đắk Hà				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.119	568		
48	Trường THPT Trần Hưng Đạo				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.725	811,12		
49	Trường THPT Nguyễn Trãi				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	2.590	1.333,13		
50	Trường THPT Trần Phú				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	150	370,18		
51	Trường phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Đắk Glei				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	115	328,90		
52	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Huệ				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.190	998,37		
53	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Sa Thầy				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	110	309		
54	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Măng Đen				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	110	205,507		
55	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Đắk Rve				

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	188	93,87		
56	Trường Trung học Phổ thông Phan Đình Phùng				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	255	143,68		
57	Trường THPT Lê Lợi				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.530	937,37		
58	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Đắk Tô				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	110	326,48		
59	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.246	682,79		
60	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Tu Mơ Rông				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	108	266,875		
61	Trường THCS-THPT Ngõ Mây				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.085	772,50		
62	Trường THCS -THSP Lý Tự Trọng				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	2.120	1.148,73		
63	Trường Tiểu học thực hành sư phạm Ngụy Như Kon Tum				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	3.200	2.517,15		
64	Trường Mầm non thực hành sư phạm Kon Tum				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	4.175	4.913,09		
65	Trường THPT Trường Chinh				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.678	1.158,00		
66	Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	900	1.042,53		
67	Trường THPT Phan Bội Châu				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	560	262,07		
68	Trường THPT Phan Chu Trinh				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	90	227,28		
69	Trường THCS và THPT Liên Việt Kon Tum				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	2.915	1.508,98		
70	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Ia Toi				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	65	166,895		
71	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Giáo dục Thường xuyên Đắk Glei				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	55	285,29		
72	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên Ngọc Hồi				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	217,59		
73	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Đắk Tô				

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	41,85	103,92		
74	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Đắk Hà				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	340	963,63		
75	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Sa Thầy				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	80	163,51		
76	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Kon Rẫy				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	12	411,42		
77	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Kon Plông				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	46		
78	Trung tâm GD Nghề nghiệp- GDTX Tu Mơ Rông				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	31		
79	Trung tâm GDTX Kon Tum				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	525	1.364,00		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp	74.843,874	43.213,926	58%	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	74.843,874	43.213,926		
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-	-		
1	Văn phòng Sở GDĐT	-	-	-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-	-	
2	Trường THPT Bình Sơn			-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.567,070	825,550	53%	
3	Trường THCS-THPT Vạn Tường	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.210,710	472,037	39%	
4	Trường THPT Trần Kỳ Phong	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.186,120	480,600	41%	
5	Trường THPT Lê Quý Đôn	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.393,370	865,869	62%	
6	Trường THPT Võ Nguyên Giáp	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	2.201,725	684,176	31%	
7	Trường THPT Ba Gia	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.259,523	438,876	35%	
8	Trường THPT Sơn Mỹ	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.072,367	790,148	74%	
9	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	2.350,485	1.200,339	51%	
10	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.146,750	601,051	52%	
11	Trường THPT Chuyên Lê Kiết	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.577,440	561,798	36%	
12	Trường THPT Lê Trung Đình	-		-	

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	2.026,730	1.419,818	70%	
13	Trường THPT số 1 Nghĩa Hành	-	-	-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.189,980	703,003	59%	
14	Trường THPT số 2 Nghĩa Hành	-	-	-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	504,173	230,220	46%	
15	Trường THPT Nguyễn Công Phương	-	-	-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	737,610	398,204	54%	
16	Trường THPT số 1 Tư Nghĩa	-	-	-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.625,150	560,910	35%	
17	Trường THPT số 2 Tư Nghĩa	-	-	-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	935,540	327,842	35%	
18	Trường THPT Thu Xà	-	-	-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.006,070	373,163	37%	
19	Trường THPT Chu Văn An	-	-	-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.084,590	374,277	35%	
20	Trường THPT Phạm Văn Đồng	-	-	-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.146,380	614,150	54%	
21	Trường THPT số 2 Mộ Đức	-	-	-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	899,866	167,520	19%	
22	Trường THPT Trần Quang Diệu	-	-	-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	862,648	355,874	41%	
23	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	-	-	-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	635,315	199,266	31%	
24	Trường THPT số 1 Đức Phổ	-	-	-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.370,190	479,390	35%	
25	Trường THPT số 2 Đức Phổ	-	-	-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	907,563	268,627	30%	
26	Trường THPT Lương Thế Vinh	-	-	-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.065,320	257,856	24%	
27	Trường THPT Lý Sơn	-	-	-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	367,750	179,121	49%	
28	Trường THPT Ba Tơ	-	-	-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	646,408	99,583	15%	
29	Trường THPT Sơn Hà	-	-	-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	610,843	598,560	98%	
30	Trường THPT Trà Bồng	-	-	-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	238,510	124,890	52%	
31	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	-	-	-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	320,585	84,369	26%	
32	Trường THPT Minh Long	-	-	-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	297,375	59,284	20%	
33	Trường THPT Tây Trà	-	-	-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	293,800	60,640	21%	
34	Trường THPT Phạm Kiệt	-	-	-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	371,863	48,673	13%	

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
35	Trường THPT Quang Trung	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	653,215	397,007	61%	
36	Trường THCS- THPT Phạm Kiệt	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	494,175	237,650	48%	
37	Trung tâm GDTX Tỉnh	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	7.770,655	7.357,327	95%	
38	Trường THCS- THPT Phó Mục Gia	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	536,533	372,343	69%	
39	Trường PTDTNT-THPT tỉnh	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-		
40	Trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN tỉnh	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-		
41	Trung tâm GDNN - GDTX khu vực Bình Sơn	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	571,614	422,140	74%	
42	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực Mộ Đức	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	621,000	295,975	48%	
43	Trung tâm GGNN-GDTX Khu vực Đức Phổ	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.353,756	754,000	56%	
44	Trung tâm GDNN-GDTX Khu vực Ba Tơ	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	131,450	-	0%	
45	Trường Trung học phổ thông Kon Tum	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	2.363,445	1.439,615	61%	
46	Trường phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Kon Tum	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	136,000	136,000	100%	
47	Trường Trung học phổ thông Duy Tân	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.423,165	745,287	52%	
48	Trường phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Đắk Hà	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	568,230	227,292	40%	
49	Trường Trung học phổ thông Trần Hưng Đạo	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	811,120	192,890	24%	
50	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trãi	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.333,126	601,978	45%	
51	Trường Trung học phổ thông Trần Phú	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	370,175	210,049	57%	
52	Trường phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Đắk Glei	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	328,900	74,850	23%	
53	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Huệ	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	998,371	589,402	59%	
54	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Sa Thầy	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	308,980	-	0%	
55	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Măng Đen	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	205,507	205,507	100%	

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
56	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Đắk Rve	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	93,873	69,046	74%	
57	Trường THPT Phan Đình Phùng	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	143,683	148,047	103%	
58	Trường THPT Lê Lợi	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	937,372	327,706	35%	
59	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Đắk Tô	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	326,484	14,881	5%	
60	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	682,792	245,992	36%	
61	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Tu Mơ Rông	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	266,875	-	0%	
62	Trường THCS-THPT Ngô Mỹ	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	772,500	234,263	30%	
63	Trường THCS thực hành sư phạm Lý Tự Trọng	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.148,726	794,446	69%	
64	Trường Tiểu học thực hành sư phạm Ngụy Như Kon Tum	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	2.517,154	2.517,154	100%	
65	Trường Mầm non thực hành sư phạm Kon Tum	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	4.913,086	4.750,746	97%	
66	Trường THPT Trường Chinh	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.158,000	714,763	62%	
67	Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.042,525	418,253	40%	
68	Trường THPT Phan Bội Châu	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	262,069	93,004	35%	
69	Trường THPT Phan Chu Trinh	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	227,283	5,000	2%	
70	Trường THCS và THPT Liên Việt Kon Tum	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.508,979	796,079	53%	
71	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Ia Tôi	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	166,895	-	0%	
72	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Giáo dục Thường xuyên Đắk Glei	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	285,290	285,290	100%	
73	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên Ngọc Hồi	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	217,590	48,378	22%	
74	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Đắk Tô	-			

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	103,917	103,917	100%	
75	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Đắk Hà	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	963,628	643,006	67%	
76	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Sa Thầy	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	163,506	159,610	98%	
77	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Kon Rẫy	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	411,415	390,351	95%	
78	Trung tâm GGNN-GDTX Kon Plông	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	46,000	46,000	100%	
79	Trung tâm GDNN- GDTX Tu Mơ Rông	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	31,000	31,000	100%	
80	Trung tâm Giáo dục thường xuyên Kon Tum	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.364,000	1.212,000	89%	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.734.186,81	1.485.772,08	86%	
1	Chi quản lý hành chính	45.313,20	43.629,52	96%	
	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	20.916,45	20.523,92		
	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	24.396,75	23.105,60		
II	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	1.688.873,61	1.442.142,56	85%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.108.078,01	1.092.917,59	-	
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	580.795,61	349.224,97	-	
1	Văn phòng Sở GDĐT	154.842,79	59.448,73	38%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	154.842,79	59.448,73		
2	Trường THPT Bình Sơn	25.626,18	24.388,94	95%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	21.947,86	21.947,86		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.678,32	2.441,08		
3	Trường THCS-THPT Vạn Tường	25.417,23	24.323,74	96%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	22.217,19	22.217,19		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.200,04	2.106,55		
4	Trường THPT Trần Kỳ Phong	27.998,13	25.986,15	93%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	23.805,30	23.805,30		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	4.192,83	2.180,85		
5	Trường THPT Lý Sơn	22.201,86	20.243,95	91%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	19.500,80	18.500,80		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.701,06	1.743,15		
6	Trường THPT Võ Nguyên Giáp	30.868,11	29.259,75	95%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	27.190,18	26.695,18		

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.677,93	2.564,57		
7	Trường THPT Ba Gia	24.262,24	23.264,91	96%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	21.304,93	21.154,93		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.957,31	2.109,98		
8	Trường THPT Sơn Mỹ	20.840,12	18.970,64	91%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	18.228,58	17.928,58		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.611,54	1.042,06		
9	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	32.079,43	30.369,65	95%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	27.534,00	27.534,00		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	4.545,43	2.835,65		
10	Trường THPT Chuyên Lê Kiết	53.576,05	51.844,39	97%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	34.128,14	33.828,14		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	19.447,91	18.016,25		
11	Trường THPT Lê Trung Đình	27.373,81	26.525,95	97%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	24.222,00	23.872,00		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.151,81	2.653,95		
12	Trường THPT số 1 Nghĩa Hành	21.410,13	20.051,87	94%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	18.857,50	18.507,50		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.552,63	1.544,37		
13	Trường THPT số 2 Nghĩa Hành	12.796,92	10.840,98	85%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	10.281,30	9.831,30		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.515,62	1.009,68		
14	Trường THPT số 1 Tư Nghĩa	28.534,74	26.071,40	91%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	24.288,00	24.288,00		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	4.246,74	1.783,40		
15	Trường THPT số 2 Tư Nghĩa	19.953,03	19.603,48	98%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	18.190,20	18.060,20		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.762,83	1.543,28		
16	Trường THPT Thu Xà	20.371,64	19.487,28	96%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	18.060,86	18.060,86		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.310,78	1.426,42		
17	Trường THPT Phạm Văn Đồng	21.465,60	19.803,69	92%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	17.346,20	17.346,20		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	4.119,40	2.457,49		
18	Trường THPT số 2 Mộ Đức	22.476,81	20.388,74	91%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	19.169,50	17.868,92		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.307,31	2.519,82		
19	Trường THPT Trần Quang Diệu	21.992,51	20.223,61	92%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	18.087,20	17.987,20		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.905,31	2.236,41		
20	Trường THPT số 1 Đức Phổ	22.635,32	20.933,49	92%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	20.228,20	19.338,20		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.407,12	1.595,29		
21	Trường THPT số 2 Đức Phổ	19.651,64	17.490,62	89%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	17.177,20	15.877,20		

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.474,44	1.613,42		
22	Trường THPT Ba Tơ	24.574,90	23.108,34	94%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	13.552,12	13.552,12		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	11.022,78	9.556,22		
23	Trường THPT Phạm Kiệt	13.995,13	12.450,49	89%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	8.121,06	7.481,06		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	5.874,07	4.969,42		
24	Trường THPT Sơn Hà	21.828,47	20.437,98	94%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	13.058,81	13.058,81		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	8.769,66	7.379,17		
25	Trường THCS - THPT Phạm Kiệt	28.636,97	26.989,90	94%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	17.154,15	17.001,08		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	11.482,82	9.988,82		
26	Trường THPT Quang Trung	19.741,35	18.544,13	94%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	12.071,93	12.004,94		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	7.669,42	6.539,19		
27	Trường THPT Trà Bồng	26.342,49	24.979,23	95%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	18.418,14	17.763,14		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	7.924,34	7.216,09		
28	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	19.675,27	18.115,36	92%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	11.143,14	11.076,14		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	8.532,13	7.039,22		
29	Trường THPT Minh Long	14.939,79	13.708,92	92%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	12.021,29	11.721,29		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.918,50	1.987,63		
30	Trường THPT Tây Trà	18.944,57	15.011,27	79%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	11.255,96	9.475,96		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	7.688,61	5.535,32		
31	Trường THPT Lê Quý Đôn	23.299,07	22.186,19	95%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	20.238,20	20.238,20		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.060,87	1.947,99		
32	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	23.611,43	22.602,26	96%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	20.715,50	20.400,94		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.895,94	2.201,31		
33	Trường THPT Nguyễn Công Phương	13.394,71	12.515,13	93%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	11.357,78	11.357,78		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.036,94	1.157,36		
34	Trường THPT Chu Văn An	21.227,74	20.141,30	95%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	18.133,20	18.133,20		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.094,54	2.008,10		
35	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	13.828,42	13.309,71	96%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	12.111,78	12.007,50		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.716,65	1.302,21		
36	Trường THPT Lương Thế Vinh	16.728,10	15.367,58	92%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	14.860,00	14.010,00		

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.868,10	1.357,58		
37	Trung tâm GDTX Tỉnh	9.356,24	9.353,84	100%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	8.881,00	8.881,00		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	475,24	472,84		
38	Trường PTDTNT-THPT Tỉnh	30.980,90	28.063,73	91%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	17.696,12	16.492,76		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	13.284,78	11.570,96		
39	Trung tâm Hỗ trợ phát triển GD Hòa nhập	9.039,62	8.127,77	90%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	7.948,00	7.598,00		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.091,62	529,77		
40	Trường THCS- THPT Phó Mục Gia	12.208,10	11.302,09	93%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	10.356,51	10.356,51		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.851,60	945,59		
41	Trung tâm GDNN - GDTX khu vực Bình Sơn	5.316,40	4.825,95	91%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	3.290,31	3.111,67		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.026,09	1.714,27		
42	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực Mộ Đức	3.739,11	3.115,29	83%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	2.483,75	2.483,75		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.255,36	631,55		
43	Trung tâm GGNN-GDTX Khu vực Đức Phổ	4.444,82	3.664,60	82%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	2.420,10	2.344,95		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.024,71	1.319,65		
44	Trung tâm GDNN-GDTX Khu vực Ba Tơ	3.311,74	3.091,56	93%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	2.370,00	2.370,00		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	941,74	721,56		
45	Trường Trung học phổ thông Kon Tum	27.234,21	25.232,46	93%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	23.039,00	23.039,00		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	4.195,21	2.193,46		
46	Trường phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Kon Tum	29.517,38	27.941,26	95%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	14.488,05	14.488,05		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	15.029,33	13.453,21		
47	Trường Trung học phổ thông Duy Tân	22.224,54	21.350,17	96%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	19.548,45	19.548,45		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.676,10	1.801,72		
48	Trường phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Đắk Hà	33.548,35	32.258,83	96%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	22.845,00	22.845,00		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	10.703,35	9.413,83		
49	Trường Trung học phổ thông Trần Hưng Đạo	20.624,95	19.151,09	93%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	17.650,82	17.650,82		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.974,13	1.500,27		
50	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trãi	22.943,53	21.985,05	96%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	19.914,70	19.914,70		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.028,83	2.070,35		
51	Trường Trung học phổ thông Trần Phú	21.432,86	19.991,07	93%	

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	14.865,55	14.865,37		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	6.567,31	5.125,70		
52	Trường phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Đắk Glei	28.951,24	26.487,98	91%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	14.870,00	14.772,51		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	14.081,24	11.715,46		
53	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Huệ	13.350,65	12.380,16	93%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	11.082,92	11.082,92		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.267,73	1.297,24		
54	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Sa Thầy	23.232,09	21.730,62	94%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	12.524,00	12.524,00		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	10.708,09	9.206,62		
55	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Măng Đen	24.785,53	22.383,66	90%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	11.437,00	11.437,00		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	13.348,53	10.946,66		
56	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Đắk Rve	23.417,49	21.348,45	91%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	14.211,69	13.735,19		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	9.205,80	7.613,26		
57	Trường Trung học Phổ thông Phan Đình Phùng	8.904,88	7.882,44	89%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	6.760,00	6.760,00		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.144,88	1.122,44		
58	Trường Trung học Phổ thông Lê Lợi	18.262,72	16.741,63	92%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	14.978,00	14.978,00		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.284,72	1.763,63		
59	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Đắk Tô	21.494,72	20.112,51	94%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	11.868,50	11.868,50		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	9.626,22	8.244,01		
60	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Cừ	16.735,23	14.922,53	89%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	13.668,00	13.668,00		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.067,23	1.254,53		
61	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Tu Mơ Rông	25.568,29	22.768,91	89%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	11.801,50	11.227,18		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	13.766,79	11.541,73		
62	Trường THCS-THPT Ngô Mỹ	19.383,23	18.198,60	94%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	16.208,36	16.208,36		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.174,87	1.990,24		

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
63	Trường THCS thực hành sư phạm Lý Tự Trọng	24.382,59	22.422,59	92%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	20.808,00	20.808,00		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.574,59	1.614,59		
64	Trường Tiểu học thực hành sư phạm Ngụy Như Kon Tum	19.236,65	17.819,94	93%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	17.071,00	17.071,00		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.165,65	748,94		
65	Trường Mầm non thực hành sư phạm Kon Tum	10.749,34	9.692,90	90%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	9.073,00	9.073,00		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.676,34	619,90		
66	Trường THPT Trường Chinh	17.717,10	16.015,41	90%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	14.123,00	14.123,00		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.594,10	1.892,41		
67	Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành	27.861,43	27.787,36	100%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	24.322,43	24.322,43		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.539,00	3.464,93		
68	Trường THPT Phan Bội Châu	9.749,64	7.730,33	79%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	7.137,00	7.137,00		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.612,64	593,33		
69	Trường THPT Phan Chu Trinh	8.602,58	7.747,81	90%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	6.399,00	6.399,00		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.203,58	1.348,81		
70	Trường THCS và THPT Liên Việt Kon Tum	22.324,29	22.023,49	99%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	20.295,00	20.295,00		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.029,29	1.728,49		
71	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Ia Toi	17.024,66	14.944,38	88%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	8.921,82	8.921,82		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	8.102,83	6.022,55		
72	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Giáo dục Thường xuyên Đắk Glei	10.592,13	3.211,64	30%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.234,90	1.234,90		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	9.357,23	1.976,74		
73	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên Ngọc Hồi	10.845,41	3.464,17	32%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.359,34	1.359,34		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	9.486,07	2.104,82		
74	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Đắk Tô	12.740,53	4.283,86	34%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	12.740,53	4.283,86		
75	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Đắk Hà	14.862,11	5.737,36	39%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	2.677,00	2.677,00		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	12.185,11	3.060,36		

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
76	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Sa Thầy	8.070,85	3.170,24	39%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.231,00	1.231,00		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	6.839,85	1.939,24		
77	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Kon Rẫy	5.585,85	4.728,30	85%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	2.159,00	2.159,00		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.426,85	2.569,30		
78	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Kon Plông	5.823,57	3.734,34	64%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.596,00	1.499,86		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	4.227,57	2.234,48		
79	Trung tâm GD Nghề nghiệp- GDTX Tu Mơ Rông	14.518,49	6.357,01	44%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	14.518,49	6.357,01		
80	Trung tâm Giáo dục thường xuyên Kon Tum	11.034,91	7.869,44	71%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	6.485,00	6.422,83		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	4.549,91	1.446,60		